

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18-3-2019

V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Chung

2. Bà Lê Hồng Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 531/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Quách Thị Mỹ P (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

2. Bị đơn: Ông Phùng Minh S (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị D (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Quách Thị Mỹ P trình bày:

Hôn nhân: Bà P và ông S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017 có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến tháng 6/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, ông S có thái độ lạnh nhạt, không quan tâm đến bà P, bà P bỏ về nhà cha mẹ để sống từ ngày 17/7/2018, bà P và ông S đã ly thân từ ngày 17/7/2018 cho đến nay. Xét thấy bà và ông S không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà P yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông S.

Con chung: Thời gian chung sống bà P với ông S không có con chung.

Tài sản chung:

- Về tài sản chung: Tài sản vợ chồng có trong ngày cưới gồm:

01 đôi bông tai vàng 18k có trọng lượng 06 phân;

01 sợi dây chuyền vàng 24k có trọng lượng 03 chỉ;

01 mặt dây chuyền vàng 24k có trọng lượng 01 chỉ;

01 nhẫn vàng 24k, có trọng lượng 01 chỉ;

01 tấm lắc vàng 24k, có trọng lượng 03 chỉ;

Các tài sản nêu trên do cha mẹ chồng bà P cho trong ngày cưới.

01 chỉ vàng 24k, do cậu của bà P cho trong ngày cưới.

Bà P quản lý 01 đôi bông tai có trọng lượng 06 phân vàng 18k. Hiện mẹ chồng của bà P là bà Trần Thị D đang quản lý 09 vàng 24k.

Quá trình giải quyết vụ án bà P không đặt ra yêu cầu bà D trả lại số vàng đang quản lý mà tài sản chung để bà và ông S tự thỏa thuận phân chia. Tại phiên tòa, bà P không đặt ra yêu cầu xem xét đối với tài sản chung vợ chồng.

- Nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét.

Bà Trần Thị D trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 30/01/2019:

Bà D xác định bà là mẹ ruột ông S và là mẹ chồng của bà P. Trước đây (bà không nhớ rõ thời gian) bà có quản lý dùm cho vợ chồng P, S 01 tấm lắc có trọng lượng 03 chỉ vàng 24K, 01 sợi dây chuyền và mặt dây chuyền có trọng lượng 04 chỉ vàng 24K, 01 chiếc nhẫn có trọng lượng 01 chỉ vàng 24K. Tổng cộng là 08 chỉ vàng 24K. Khi bà P và ông S ly thân với nhau bà D đã trả lại 08 chỉ vàng 24K cho vợ chồng bà P và ông S, ông S là người trực tiếp nhận số tài sản này, hiện tại bà không có

liên quan gì đến số tài sản này, nên bà không chấp nhận theo yêu cầu đòi lại của bà P đặt ra.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thực hiện đúng các quy định của tố tụng dân sự; về nội dung vụ án thì các yêu cầu của bà P là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Quách Thị Mỹ P khởi kiện yêu cầu chấm dứt mối quan hệ hôn nhân với ông Phùng Minh S. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng; Ông S có nơi cư trú tại ấp B, xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và có tổng đạt hợp lệ cho ông S, bà D nhưng ông S, bà D không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của bà P và vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có triệu tập xét xử hợp lệ nhưng ông S vắng mặt không có lý do. Đối với bà D có yêu cầu xét xử vắng mặt tại biên bản ghi lời khai ngày 30/01/2019. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông S, bà D theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Bà Quách Thị Mỹ P và ông Phùng Minh S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông S chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, bà P và ông S không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là

vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà Quách Thị Mỹ P và ông Phùng Minh S là vợ chồng.

[4] Về con chung, nợ chung: không có nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án bà P không đặt ra yêu cầu bà D trả lại số vàng đang quản lý mà đề tự thỏa thuận với nhau. Tại phiên tòa, bà P xác định bà và ông S tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu xem xét nên không xét.

[6] Về nợ chung: Bà P xác định không có nợ chung, vợ chồng không có nợ người ngoài và người ngoài cũng không nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết. Tại đơn xác nhận ngày 28/11/2018 của Ủy ban nhân dân xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau và tại biên bản làm việc với người làm chứng ngày 30/01/2019 xác nhận trong thời gian chung sống không có ai yêu cầu giải quyết về nợ tại địa phương đối với bà P và ông S. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà P phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 14, 53 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt ông Phùng Minh S, bà Trần Thị D.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Quách Thị Mỹ P.

2.1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Quách Thị Mỹ P và ông Phùng Minh S là vợ chồng.

2.2. Về con chung, nợ chung: Không có

2.3. Về tài sản chung: Bà Quách Thị Mỹ P và ông Phùng Minh S tự thỏa thuận và không có yêu cầu xem xét.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Quách Thị Mỹ P phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 03 tháng 12 năm 2018 bà P có dự nộp 1.091.000 đồng (*Một triệu không trăm chín mươi một nghìn đồng*) theo biên lai số 0005792 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được đối trừ, bà P nhận lại 791.000 đồng (*bảy trăm chín mươi một nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông S, bà D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan Anh